

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu đô thị mới K, L, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị H3, sinh năm 1965; bà Bùi Thị H4, sinh năm 1970; ông Bùi Thế T1, sinh năm 1984; ông Bùi Văn H5, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị H6, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà H2, bà H3, bà H5, bà H6, ông H4 và ông T1: Bà Bùi Thị H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2016, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn Th, trú tại: Xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An (lần hai), vì các lý do: Nguồn gốc thửa đất diện tích gần 600m² tại xóm X, xã N, huyện H, gia đình Bà Nguyễn Thị T khai hoang sử dụng từ năm 1976. Ông Đặng Văn Th, trú tại Xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, viện lý do nhận chuyển nhượng đất của ông Bùi Minh Đ (Bùi Thế Đ2) là con bà T là bịa đặt. Vợ chồng ông Đ, bà Tùng chỉ được sử dụng diện tích thửa đất 390m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp. Diện tích đất còn lại anh Bùi Minh Đ không chuyển nhượng cho ông Th mà do ông Đặng Văn Th ngang nhiên chiếm đất của gia đình bà T.

Kể từ khi phát hiện lấn chiếm đất, chồng bà Nguyễn Thị T là ông Bùi Xuân P đã khiếu nại, ông Th vẫn ngang nhiên sử dụng đất. Người có thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện H không xác minh kiểm tra tính hợp pháp các tài liệu, dùng tài liệu giả để kết luận. Các đoàn kiểm tra đã thừa nhận hồ sơ giả mạo của ông Th để tạo điều kiện cho ông Th chiếm đoạt đất bất hợp pháp của gia đình bà T.

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, ông Th không xuất trình được giấy tờ nào để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 600m² đất. Quyết định giải quyết khiếu nại vô hiệu, áp đặt chỉ theo ý kiến ông Th là không khách quan, cần xem xét tại sao Ủy ban nhân dân huyện H lại hủy hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn M1, theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 13/8/2001 của Ủy ban nhân dân huyện H. Năm 2007, ông

Đặng Văn Th ly hôn vợ, bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện H chỉ giao cho ông Th được sử dụng 390m² đất, còn 600m² đất thì Tòa án không giao cho ông Th sử dụng.

Người bị kiện trình bày:

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định giải Quyết khiếu nại số 1989/QĐ-UBND ngày 27/6/2014, bà Nguyễn Thị T không đồng ý nên đã có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành có liên quan để giải quyết đơn khiếu nại. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 407 ngày 19/8/2014 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành để kiểm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng giải quyết khiếu nại. Tổ công tác liên ngành đã xem xét các chứng cứ ông Th, bà H1 cung cấp, xác minh nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, kết quả làm việc với bà Bùi Thị H (người được bà T ủy quyền); với lãnh đạo nông trường cơ quan quản lý đất trước đây, với Ủy ban nhân dân xã N... Ngày 20/10/2015, Tổ công tác liên ngành đã có báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh đã kết luận: Việc bà Nguyễn Thị T (vợ ông Bùi Xuân P) tranh chấp đòi quyền sử dụng diện tích 559,6m² trong tổng số diện tích 950m² đất thuộc thửa đất số 31 tờ bản đồ 16 (theo bản đồ đo đạc năm 1996) tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An mà hiện nay ông Đặng Văn Th đang sử dụng vào mục đích đất ở và kinh doanh xăng dầu là chưa có đủ chứng cứ, cơ sở để giải quyết, bởi vì:

+ Bà Nguyễn Thị T không cung cấp được bất cứ giấy tờ, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích 559,6m² đất mà bà T đòi sử dụng.

+ Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Xuân P không trực tiếp sử dụng đất và hằng năm không thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước đối với phần diện tích 559,6m² trong tổng số 950m² đất thuộc thửa số 31 tờ bản đồ 16, đo năm 1996 tại xã N, huyện H hiện nay ông Đặng Văn Th đang sử dụng vào mục đích đất ở và kinh doanh xăng dầu. Hiện nay, bà Nguyễn Thị T đã có nhà ở ổn định tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

+ Thực tế ông Đặng Văn Th đã sử dụng ổn định liên tục từ tháng 9 năm 2000 đến nay đối với phần diện tích 559,6m² đất mà gia đình bà Nguyễn Thị T tranh chấp đòi quyền sử dụng.

Kèm theo báo cáo của tổ công tác liên ngành có ý kiến thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường, tại Văn bản số 5340 ngày 21/10/2015. Ngày 09/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất lần 2 số 5754/QĐ-UBND.KT với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th.

Tại Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về giải quyết khiếu nại lần 1 của bà T có nội dung:

Ngày 22/8/2004, ông Bùi Xuân P có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 559,6m² mà ông Đ đã bàn giao cho ông Th từ tháng 9/2000. Ủy ban nhân dân xã N đã có báo cáo Ủy ban nhân dân huyện H. Quá trình đang giải quyết thì ông Bùi Xuân P qua đời (năm 2012). Sau một thời gian, ông Th đề nghị chính quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th nhưng chính quyền không đồng ý vì đất đang có tranh chấp. Ngày 20/4/2014, bà T, vợ ông P có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp thửa đất trên, Bà T cho rằng con bà là Bùi Minh Đ chỉ chuyển nhượng phần diện tích 390m², diện tích còn lại là của ông P, bà T nhưng ông Th đã sử dụng toàn bộ diện tích còn lại.

Về nguồn gốc: Thừa nhận trước năm 1994 do ông P, bà T khai hoang. Năm 1994 được Ủy ban nhân dân huyện cấp Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994 về việc cấp đất ở cho con trai ông P, bà T là Bùi Minh Đ. Quyết định chỉ giao 390m² nhưng thực tế theo ranh giới ghi trong quyết định thì diện tích 950m².

Thực tế sử dụng: Ông Đ, bà Tùng sử dụng từ năm 1994 đến trước tháng 9/2000, không có tranh chấp, ranh giới không thay đổi; đến tháng 9/2000 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Th, diện tích và ranh giới không thay đổi; Quá trình bàn giao đất có ông Bùi Xuân P, bố ông Đ làm chứng; ông Th thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đúng quy định. Ông P, bà T không sử dụng đất từ tháng 7/1994 đến nay, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất tranh chấp.

Về hiện trạng: Thửa đất tranh chấp được ông Th sử dụng liên tục từ tháng 9 năm 2000, đúng với sơ đồ, mốc giới bàn giao. Hiện đã xây tường rào bao quanh và các công trình trên đất. Khuôn viên có diện tích 949,6m² trong đó có diện tích 390m² mua của ông Đ.

Ranh giới: Bắc: giáp quốc lộ 48; Nam: giáp đất ông Tr; Đông: giáp suối ông M; Tây: giáp đất bà Đặng Thị Vy Nh (mua lại đất ông Đ1).

Do đó, không công nhận quyền sử dụng đất của bà T; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Th.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà T có liên quan đến các nội dung:

- Năm 2001, ông Đặng Văn Th có lập văn bản là "*Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Minh Đ và ông Đặng Văn M1 - con trai ông Đặng Văn Th*". Gia đình bà T cho rằng chữ ký trong đơn không phải của ông Đ. Sau khi có kết luận của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an ngày 10/8/2004, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành quyết định số 935 có nội dung: Huỷ bỏ đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Bùi Minh Đ và ông Đặng Văn M1 lập ngày 31/7/2001. Vì vậy, bà T cho rằng ông Th đã lập hồ sơ giả để hợp pháp hoá lần 2 thửa đất tranh chấp.

- Ủy ban nhân dân huyện H ban hành 02 quyết định cấp đất ở số 12 và số 13 cùng ngày 07/7/1994, cùng diện tích 390m² nhưng tên chủ sử dụng đất, ranh giới thửa đất và người ký quyết định không giống nhau.

Quyết định số 12/QĐ-UB cấp cho Bùi Minh Đ; ranh giới phía Đông giáp suối ông M, phía Tây giáp đất ông H4; người ký là Lương Quang K (Quyết định gốc do Ủy ban nhân dân huyện H cung cấp đã được gạch chéo xóa bỏ).

Trong các văn bản giao dịch giữa ông Đ và ông Th cũng thể hiện Quyết định số 13/QĐ-UB do Phó Chủ tịch Trần Anh T2 ký nhưng ngày không phù hợp.

Theo giải trình của Ủy ban nhân dân huyện H (BL 135) thì Quyết định số 12/QĐ-UB này đã bị huỷ bỏ vì ông Nguyễn Xuân Đức đã chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Vy Nh và bà Nhi đã được cấp bìa số 473 ngày 13/8/2001 và Nguyễn Xuân Đức là con ông Nguyễn Đình Đạm.

Ông Đặng Văn Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 20/9/2000, vợ chồng ông Bùi Minh Đ và bà Cao Thị T4 lập giấy xin bán tài sản của doanh nghiệp tư nhân DT gửi cho Ủy ban nhân dân xã N với nội dung: *"Xin UBND xã Nghĩa Thái xác nhận cho phép được bán tài sản của doanh nghiệp cho ông Đặng Văn Th; số tài sản thống nhất mua, bán gồm: 01 quyết định cấp đất xanh số 13 cấp ngày 07/7/1994 và tài sản trên đất là 03 máy bơm xăng..."*; Đơn có xác nhận của người mua ông Đặng Văn Th, người bán đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân DT và đồng sự bán ký tên Cao Thị T4; Ủy ban nhân dân xã N đã xác nhận nội dung trên.

Ngày 26/9/2000 giữa ông Bùi Thế Đ2, bà Cao Thị T4 và ông Đặng Văn Th đã lập giấy bàn giao tài sản với các nội dung:

"Phần đất ở giao cho ông Th 01 lô đất ở theo quyết định số 13 cấp ngày 21/6/1994 do Phó Chủ tịch Trần Anh T2 ký; Ranh giới như sau:

Bắc: Giáp đường 48;

Nam: Giáp đất ông Tr (giáp đường 48 cũ);

Đông: Giáp suối ông M;

Tây: Giáp đất ông Đ1.

Ông Đ, bà Tùng và ông Bùi Văn Phúc đã đổ mốc biên giới phía ông Đ1 (4 mốc), phía ông Tr giao theo rãnh giao thông đường 48 cũ; nếu ông Đ1 và ông Tr đến tranh chấp về đất biên giới đã ghi trên thì ông P và anh Đức chịu trách nhiệm".

Giấy bàn giao tài sản có xác nhận của người làm chứng là ông Bùi Xuân P và sơ đồ đất giao. Tài liệu này phô tô từ bản gốc, có công chứng (BL114). Bản gốc ông Th nộp để giám định, nay giao lại ông Đặng Văn Th bảo quản.

Cùng ngày 26/9/2000, vợ chồng ông Đ, bà Tùng đã chuyển đồ đạc ra khỏi nhà và gia đình ông Th đã chuyển đồ đạc vào. Kể từ ngày tiếp quản, ông Th đã đào móng giáp ranh để xây tường bao xung quanh và đến năm 2003 thì mới hoàn thành cải tạo công trình xây dựng.

Ngày 28/9/2000, ông Bùi Thế Đ2 đã ghi giấy nhận tiền mặt do ông Đặng Văn Th giao. Từ năm 2000 - 2003, ông Th mua điện của ông P, hàng tháng ông P đến thu tiền điện, còn hướng dẫn ông Th cải tạo nâng cấp. Đến năm 2004, ông

P yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần đất đã bàn giao từ năm 2000. Việc gia đình bà T đòi lại đất là không đúng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc kinh doanh, ông Đặng Văn Th yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 5754 ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con bà T) trình bày:

Năm 1976, bố bà H1 là ông Bùi Xuân P và bà Nguyễn Thị T (hiện đang thường trú tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An) được Nông trường 3/2 giao cho lô đất diện tích 950m² tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An. Đến năm 1994, ông Bùi Xuân P làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Quyết định số 13/UBND-QĐ ngày 07/7/1994, được quyền sử dụng diện tích 390m² đất cho em trai bà H1 là ông Bùi Minh Đ (còn gọi Bùi Thế Đ2) đã bán cho ông Đặng Văn Th ở xã Đồng Hợp, huyện H, tỉnh Nghệ An với diện tích 390m² và tài sản trên đất, nhưng gia đình ông Th đã sử dụng toàn bộ diện tích 950m² đất trong đó có 559,6m² đất của gia đình bà T, ông P từ tháng 9 năm 2000 đến nay. Quyết định giải quyết tranh chấp đất lần 1 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định giải quyết tranh chấp đất lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, bà Nguyễn Thị T (người khởi kiện) và các con của bà T (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đề nghị Tòa án hủy hai quyết định này, để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

Ngày 14/9/2017, bà Bùi Thị H là người đại diện cho người khởi kiện có đơn đề nghị giám định chữ ký ông Bùi Xuân P dưới mục người làm chứng trong “Giấy bàn giao tài sản” ngày 26/9/2000 và chữ ký ông Trần Anh T2 trên Quyết định 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994.

Kết luận giám định số 69/C54-P5 ngày 11/6/2018 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát kết luận:

“Chữ ký và các chữ “Bùi Xuân P” dưới mục “Người làm chứng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Xuân P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M6 do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký đứng tên Trần Anh T2 dưới mục “TM UBND huyện H” trên mẫu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký Trần Anh T2 trên các mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 do cùng một người ký ra”.

Bản án hành chính số 19/2018/ST-HC ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Khoản 1 Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 203; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Mục 2, Mục 3 Luật khiếu nại;

Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/11/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, trú tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An (lần 2) và Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên đề nghị tuyên hủy Quyết định 5754 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị H cho rằng vợ chồng ông Đ, bà Tùng là con của bà T chỉ được sử dụng diện tích thửa đất 390m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp. Diện tích đất còn lại anh Bùi Minh Đ không chuyển nhượng cho ông Th mà do ông Đặng Văn Th ngang nhiên chiếm đất của gia đình bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện luật sư Trịnh Hoàng Ngọc Mai cho rằng Ủy ban nhân dân huyện H chỉ giao cho ông Đ 390m², do đó vợ chồng ông Bùi Minh Đ chỉ có quyền quản lý và sử dụng 390m² đất chứ không có quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 949,6m². Phần diện tích đất còn lại thì gia đình bà T, ông P vẫn quản lý, sử dụng. Bản án giải quyết tranh chấp ly hôn giữa ông Th và vợ cũng xác định diện tích đất là tài sản chung của ông Th và vợ là 390m² và giao cho ông Th quản lý và sử dụng diện tích đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Đ, ông Th có hành vi san lấp, lấn chiếm đất của gia đình bà T do đó đã phát sinh tranh chấp.

Khi giải quyết tranh chấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã không xác minh, kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu, giải quyết tranh chấp không khách quan, không đúng sự thật. Ông Th chỉ có quyền quản lý và sử dụng 390m² đất, còn gần 600m² đất còn lại vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà T và các con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà T, hủy các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Th khẳng định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của ông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định đúng quy định của pháp luật, đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã kết luận: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích

đất tranh chấp trước đây thuộc Nông trường T quản lý. Trước năm 1980 đã được ông P, bà T khai hoang. Năm 1994 được Ủy ban nhân dân huyện cấp Quyết định 13 ngày 07/7/1994 về việc cấp cho con trai ông P và bà T là anh Bùi Minh Đ diện tích 390m² có ghi rõ tứ cận tiếp giáp. Vợ chồng anh Đức quản lý và sử dụng từ 1994 đến năm 2000 thì chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Th, diện tích và ranh giới không thay đổi. Từ năm 1994 bà T và ông P không quản lý và sử dụng diện tích đất này, không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ông Th đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và đúng với sơ đồ, mốc giới bàn giao, đã xây dựng tường rào bao quanh và các công trình trên đất. Khuôn viên có diện tích 949,6m² trong đó có diện tích 390m² chuyển nhượng từ ông Đ. Đây là tranh chấp đất đai, diện tích đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 13 ngày 07/7/1994 về việc bàn giao đất làm nhà ở cho ông Đ, thuộc trường hợp có các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định 1989 ngày 27/6/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định 5754 ngày 09/12/2015 để giải quyết tranh chấp đất giữa ông Th và bà T là không đúng thẩm quyền, vụ án này phải thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An sau khi thụ lý đã không xác định đúng thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà T ông Th là thuộc về Ủy ban nhân dân hay Tòa án mà lại quyết định bác đơn khởi kiện của bà T, giữ nguyên các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là sai lầm nghiêm trọng về áp dụng tổ tụng hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T và bà H1, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy các Quyết định số 1989 ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định 5754 ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị H đề nghị hủy Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ông Bùi Xuân P (chồng bà Nguyễn Thị T) và ông Đặng Văn Th tranh chấp quyền sử dụng đất đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Năm 2012 ông Bùi Xuân P chết. Ngày 20/4/2014 bà Nguyễn Thị T (vợ ông Bùi Xuân P) có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An. Ngày 27/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định 1989/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, trú tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị T không đồng ý nên đã có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất tiếp theo. Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ban ngành liên quan để giải quyết đơn khiếu nại. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-STNMT.TTr ngày 19/8/2014 thành lập tổ công tác liên ngành để kiểm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An hướng giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 20/10/2015, Tổ công tác liên ngành đã cáo báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh kèm theo ý kiến thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5340 ngày 21/10/2015 (BL 41, 42). Ngày 09/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn Th, trú tại xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An, lần hai. Như vậy, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; mục 2, mục 3 Luật Khiếu nại.

[1.2]. Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đặng Văn Th để lấy lại diện tích đất 559,6m² đất hiện nay ông Th đang sử dụng vào mục đích đất ở và kinh doanh xăng dầu. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Theo báo cáo kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An thì diện tích đất tranh chấp trước năm 1994 thuộc quyền quản lý của Nông trường T, ông P và bà T khai hoang để sản xuất. Bà Bùi Thị H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng đã được Nông trường T giao cho lô đất diện tích 950m² đất nhưng bà H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Sau đó Nông trường đã bàn giao toàn bộ diện tích đất vùng xóm 8B xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An cho Ủy ban nhân dân xã N quản lý. Ngày 07/7/1994, Ủy ban nhân dân huyện H đã có Quyết định số 13/QĐ-UB giao đất cho ông Bùi Đức Minh (con trai của ông P, bà T) làm nhà ở. Quyết định chỉ giao 390m² nhưng trên thực tế ranh giới ghi trong Quyết định giao đất thì diện tích đất ông Đ và bà Tùng sử dụng lớn hơn nhiều (950m²). Ông Bùi Xuân P và bà Nguyễn Thị T đã biết Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994 nhưng ông P và bà T không có ý kiến gì. Từ khi được giao đất, gia đình ông Đ, bà Tùng sử dụng ổn định, không có tranh chấp, ranh giới không thay đổi. Tháng 9/2000 ông Đ và bà Tùng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho ông Đặng Văn Th. Quá trình bàn giao đất, có ông Bùi Xuân P là bố của ông Đ làm chứng. Ông Th sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Trong quá trình sử dụng, ông Th đã xây tường rào bao quanh và có coi nói, bồi đắp một phần diện tích đất suối ông M để xây dựng nhà ở (BL 75), không tranh chấp với các hộ liền kề và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật. Ông P và bà T không sử dụng đất từ tháng 7/1994 đến nay, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất tranh chấp.

Về hiện trạng: Ông Đ, bà Tùng sử dụng từ năm 1994 đến tháng 9/2000 không có tranh chấp, ranh giới không thay đổi theo Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 07/7/1994. Sau khi chuyển nhượng đất cho ông Th, ranh giới không thay đổi và ông Th sử dụng liên tục, đúng với sơ đồ, mốc giới bàn giao nhưng chưa

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đang có tranh chấp. Ranh giới như sau: Phía Bắc giáp Quốc lộ 48; phía Nam giáp đất ông Tr; phía Đông giáp suối ông M; phía Tây giáp đất bà Đặng Thị Vy Nh (mua lại đất của ông Đ1).

Bà Nguyễn Thị T không cung cấp được các giấy tờ, chứng cứ pháp lý để chứng minh mình có quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp. Bên cạnh đó, bà T đưa ra căn cứ là Bản án giải quyết tranh chấp ly hôn giữa ông Th và vợ cũng xác định diện tích đất là tài sản chung của ông Th và vợ là 390m² và giao cho ông Th quản lý và sử dụng diện tích đất này để cho rằng ông Th chỉ có quyền quản lý và sử dụng 390m² đất là không chính xác, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Đặng Văn Th cung cấp được tài liệu “Giấy bàn giao tài sản” ngày 26/9/2000 tài liệu đã được giám định chữ ký của ông Bùi Xuân P là người làm chứng theo Kết luận Giám định số 69/C54-P5 ngày 11/6/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát. Thực tế ông Th đã sử dụng ổn định, liên tục 559,6m² đất trong ranh giới được ông Bùi Thế Đ2 và bà Cao Thị T4 bàn giao theo ranh giới đất, có sự chứng kiến của ông Bùi Xuân P từ tháng 9/2000.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng diện tích đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp theo Quyết định số 13 ngày 07/7/1994 về việc bàn giao đất làm nhà ở cho ông Đ, thuộc trường hợp có các giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định 1989 ngày 27/6/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định 5754 ngày 09/12/2015 để giải quyết tranh chấp đất giữa ông Th và bà T là không đúng thẩm quyền, vụ án này phải thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tổng diện tích đất tranh chấp giữa hộ bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn Th là 559,6m² đất thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 16 tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An, trong đó có 390m² đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Bùi Minh Đ. Đây được coi là giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 100 Luật Đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong tổng số diện tích đất tranh chấp còn có 169,6m² đất không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2013, vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân. Do đó, để giải quyết dứt điểm được vụ án, tránh việc tranh chấp kéo dài, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm vì nếu giải quyết lại thì bản chất nội dung tranh chấp cũng không thay đổi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình xem xét, thụ lý, giải quyết vụ án hành chính.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định 1989/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, trú tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn Th, trú tại xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An, lần hai

là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị H.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T. Bà Bùi Thị H phải chịu án án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 203; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Mục 2, Mục 3 Luật khiếu nại; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/11/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5754/QĐ-UBND.KT ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, trú tại xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An (lần 2) và Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với ông Đặng Văn Th, xóm X, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm; Được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000926 ngày 20/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng